

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
Năm học 2024 – 2025**

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ vào Quyết định số 2632/QĐ-BGDĐT ngày 24/7/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ vào Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình GDPT 2018;
- Căn cứ vào Công văn số 2435/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;
- Căn cứ Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 13/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
- Căn cứ công văn số 311/PGDĐT ngày 20/9/2024 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2024 - 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiểu Cần;
- Căn cứ Kế hoạch số 39/KH-PGDĐT, ngày 16/9/2024 của Phòng GD và ĐT Tiểu Cần về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và giải pháp năm học 2024 – 2025;
- Căn cứ vào Kế hoạch số 32/KH-TH.CQA, ngày 18/08/2018 của Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan A về kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Thị trấn Cầu Quan A Giai đoạn 2018 – 2020 và Tầm nhìn đến năm 2025;
- Căn cứ và Kế hoạch số 19/KH-TH.CQ ngày 21/9/2024 của Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2024 – 2025;

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2024 – 2025

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

- Toàn Đảng, toàn dân ra sức thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

- Thị trấn Cầu Quan đang trên đà phát triển, toàn Đảng, toàn dân đang ra sức thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐU ngày 29 tháng 5 năm 2020 nghị quyết đại hội Đảng viên thị trấn Cầu Quan lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025 ra sức phấn đấu đạt chỉ tiêu về văn hóa xã hội, phấn đấu đạt tỉ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi Tiểu học đạt 99,65%; nâng chất các trường đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế 100%; bảo hiểm xã hội tự nguyện 30% và bảo hiểm thất nghiệp 25%.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024 – 2025

Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào tháng 5/2014, đang trong giai đoạn xây dựng để tái công nhận. Trong nhiều năm liền, trường luôn được UBND huyện, UBND tỉnh xét công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động Xuất sắc. Chất lượng giáo dục của nhà trường được nâng lên qua từng học kì, từng năm học. Hàng năm đều huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1; tổ chức tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” và duy trì tốt sĩ số học sinh hàng năm. Số học sinh lớp 5 được công nhận Hoàn thành chương trình Tiểu học luôn đạt 100%. Hiệu quả đào tạo 5 năm gần đây đều đạt trên 95%. Đơn vị thường xuyên đạt nhiều giải trong các phong trào, hội thi như: Vở sạch chữ đẹp, Tin học trẻ, giải Toán trên internet, Tiếng Anh trên internet, kể chuyện sách, sắc màu tuổi thơ, bóng đá mini... Nhiều năm qua, trường đã được UBND huyện Tiểu Cần, UBND tỉnh Trà Vinh tặng Giấy khen “Tập thể Lao động Xuất sắc; năm học 2019-2020 được nhận Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2024 - 2025, nhà trường có 25 lớp với tổng số 824 học sinh, trong đó nữ 392, dân tộc Khmer 19, Hoa 10, dân tộc khác 02, quốc tịch Pháp 1, học sinh khó khăn 25, học sinh khuyết tật 08, 100% học 2 buổi/ngày, tỷ lệ học sinh trên lớp 32,96 học sinh. Chia ra:

Khối lớp	TS Lớp	TS HS	HS Nữ	DT Khmer		DT Hoa	DT Khác	Trong TSHS	
				TS	Nữ			Lban 23-24	T.mới 24-25
Khối 1	5	150	73	2	2	2	2	3	147
Khối 2	5	170	74	5	2	1			11
Khối 3	5	169	84	2	2	1			5
Khối 4	5	163	87	2	1	1			
Khối 5	5	175	76	8	2	5			3
Cộng	25	827	394	19	9	10	2	3	166

Tỷ lệ huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1: 118/118 trẻ, đạt 100%.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 40; trong đó: 21 nữ, 19 nam; chia ra:

Hiệu trưởng: 01; GV phổ thông 36, trong đó Tổng phụ trách: 01; Anh văn: 02; Tin học 01; Thể dục: 01; Mỹ thuật: 01; Âm nhạc: 01. Văn thư + Kế toán: 01; Bảo vệ : 02;

Trình độ đào tạo của CBGVNV: Đại học: 36; Đại học Kế toán 01; Cao đẳng SP: 01; Trung học SP: 01.(không tính nhân viên bảo vệ)

Trình độ giáo viên đạt chuẩn 34/36 (94,44%); chưa đạt chuẩn 02/36 (5,55%), trong đó đang đi học CNTH 01; Tỷ lệ giáo viên trên lớp 1,44%

Tổng số đảng viên: 22/40 (55%); Trung cấp LLCT: 03, Sơ cấp LLCT: 12

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

Nhà trường có 36 phòng học và phòng chức năng, chia ra như sau:

- Phòng học: 25 phòng/25 lớp
- Phòng chức năng: 11 phòng, gồm các phòng sau:
 - + 02 phòng Tin học;
 - + 01 phòng Ngoại ngữ;
 - + Thư viện;
 - + Văn phòng + Phòng Hiệu trưởng + Phó hiệu trưởng;
 - + Phòng họp + Văn phòng;
 - + Phòng truyền thống và hoạt động Đội + Phòng y tế học đường;

Ngoài ra còn có:

- + Phòng thường trực;
- + Kho;
- + Sân bóng đá mini;

Trang thiết bị đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2024 - 2025

1. Mục tiêu chung

Tổ chức triển khai, quán triệt và chỉ đạo thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phấn đấu thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Huyện ủy, Kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện. *Nêu cao tinh thần Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo*”.

Quán triệt và thực hiện nghiêm các Luật, văn bản dưới luật có hiệu lực được ban hành. Thường xuyên rà soát kiến nghị cấp thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về các chủ trương, chính sách mới của ngành và kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo để xã hội, nhân dân hiểu, chia sẻ, ủng hộ và đóng góp phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định.

Từng đảng viên, công chức, viên chức phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương thực thi nhiệm vụ theo chủ đề năm học, không ngừng *tự học, tự rèn*, xây dựng mô hình, xây dựng kế hoạch đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW và Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị. Tập trung mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm trong năm.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (GDPT 2018) đối với tất cả các khối lớp, trong đó tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện triển khai Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 5. Tích cực trong việc đổi mới phương pháp dạy học, hỗ trợ giải đáp những khó khăn, vướng mắc của giáo viên trong quá trình tổ chức dạy học, thường xuyên thăm lớp, thăm điểm trường, không phó thác cho người dạy. Hoàn thiện các vấn đề về lựa chọn, sử dụng Sách giáo khoa. Tiếp tục

thực hiện công tác quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất, thiết bị dạy học bảo đảm yêu cầu triển khai Chương trình GDPT 2018. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá tích cực theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống; Bảo đảm an toàn, an ninh trường học.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và trong giảng dạy gắn với việc thực hiện chuyên đổi số trong giáo dục (học bạ số, chữ ký số, thư viện số, ...)

- Thực hiện tốt các hoạt động nêu gương, tôn vinh, biểu dương gương điển hình tiên tiến, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tạo dựng môi trường học tập “ **Nề nếp, kỷ cương, chất lượng** ”. Mỗi học sinh đều có cơ hội để phát triển khả năng sáng tạo của bản thân.

Tầm nhìn:

Trở thành một trường học có chất lượng cao; đào tạo những con người
“ Khỏe mạnh về thể chất, năng động về trí tuệ và luôn giàu lòng nhân ái. ”

Giá trị cốt lõi:

“ Đoàn kết – Trách nhiệm – Trung thực – Sáng tạo – Nhân ái ”

- **Đoàn kết:** Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, có khả năng tương tác, hỗ trợ cùng hướng đến mục tiêu chung.

- **Trách nhiệm:** Nêu cao vai trò, tinh thần trách nhiệm, ra sức thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dạy và học.

- **Trung thực:** Đề cao giá trị lòng tự trọng, tính trung thực và ý thức cộng đồng của học sinh, trên nền tảng phẩm chất, tư cách, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên.

- **Sáng tạo:** Phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, quản lý và các hoạt động dạy học.

- **Nhân ái:** Nuôi dưỡng những tâm hồn biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ với mọi người.

Phương châm hành động: “ Rèn đức, luyện tài ”

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh

- Lên lớp: 822/827, tỉ lệ 99,40% (khối 1 đạt 96,66% (145/150); khối 2 đạt 100% (170/170); khối 3 đạt 100% (169/169); khối 4 đạt 100% (163/163); khối 5 đạt 100% (175/175).

- + Học tập: Hoàn thành 822/827, tỉ lệ 99,40% (Khối 1 đạt trên 96,66% (145/150); khối 2 đạt trên 100% (170/170); khối 3 đạt 100% (169/169); khối 4 đạt 100% (163/163); khối 5 đạt 100% (175/175).

- + Các năng lực: 822/827, tỉ lệ 99,40%

- + Các phẩm chất: 822/827, tỉ lệ 99,40%

- Hoàn thành CTTH: 175/175 đạt tỷ lệ 100%.

- Học sinh được khen thưởng: 423/827 đạt tỷ lệ 51,15%

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình GDPT 2018, kế hoạch giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động GD. Tổ chức giảng dạy đủ các môn học và các hoạt động GD theo chuẩn kiến thức và kỹ năng; xây dựng kế hoạch và các biện pháp chuyên môn gắn với yêu cầu thực hiện hiệu quả các cuộc vận động lớn của Đảng, của Nhà nước và của Ngành.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, làm tốt công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn.

- Thực hiện Kế hoạch “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thiếu niên và nhi đồng Giai đoạn 2023 – 2025 và Tầm nhìn đến năm 2030”, với nhiệm vụ: Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ Việt Nam nhằm tạo chuyển biến căn bản về đạo đức, lối sống phát triển toàn diện; yêu gia đình, có đạo đức trong sáng, lối sống văn hóa; yêu nước, trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ, nhân ái, tự hào dân tộc, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có ý thức tuân thủ pháp luật; có năng lực (tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo) và bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức và kỹ năng lao động, trở thành những công dân có ích, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.2. *Đội ngũ cán bộ, giáo viên*

- Đảm bảo về số lượng và cơ cấu phù hợp đáp ứng thực hiện Chương trình GDPT 2018.

- 100% cán bộ, giáo viên đạt chuẩn theo chức danh nghề nghiệp quy định; phấn đấu 100% giáo viên đạt chuẩn vào năm 2025 (theo Luật Giáo dục 2019 và Thông tư 71 về lộ trình nâng chuẩn GV).

- 100% cán bộ, giáo viên phải thực hiện công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng thường xuyên hàng năm.

- Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, sinh hoạt chuyên đề để bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng CNTT cho cán bộ quản lý, giáo viên.

2.3. *Học sinh*

100% học sinh được học 2 buổi/ngày (9 buổi/tuần – 32 tiết).

2.4. *Cơ sở vật chất, trang thiết bị.*

- Phòng học (1 phòng/lớp), phòng làm việc, phòng phục vụ được đầu tư, sửa chữa nâng cấp và xây mới; trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc.

- Các phòng tin học, ngoại ngữ, giáo dục nghệ thuật được trang bị nâng cấp theo hướng hiện đại.

- Hoàn thiện sân chơi, bãi tập, các điều kiện phục vụ các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng Thư viện điện tử, Thư viện tiên tiến

- Tạo cảnh quan môi trường sư phạm: “sáng-xanh-sạch-đẹp-an toàn”.

- Đảm bảo thiết bị dạy học tối thiểu theo qui định của Bộ GD và ĐT.

2.5. *Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin*

- Khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng và nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sinh hoạt chuyên môn, trong giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh; tiếp tục hoàn thiện kỹ năng dạy học trực tuyến và dạy học trên truyền hình.

- 100% giáo viên biết sử dụng CNTT trong quản lý và giảng dạy, biết sử dụng phần mềm để soạn Bài giảng dạy trực tuyến, ra đề thi, hồ sơ sổ sách,...; thực hiện Học bạ số.

- Cập nhật các phần mềm quản lý đầy đủ chính xác, sử dụng website trường, vnEdu làm đầu mối liên hệ trao đổi thông tin với giáo viên và PHHS.

3. Các vấn đề cần ưu tiên giải quyết

Nhằm đáp ứng yêu cầu và thực hiện thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhà trường cần quan tâm thực hiện các nội dung sau:

- *Một là*, đảm bảo tỷ lệ trên 1,5 GV/lớp để thực hiện dạy học 2 buổi/ngày; nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL – GV – NV đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục; chú trọng công tác tự bồi dưỡng và bồi dưỡng; tập trung nâng cao kỹ năng ứng dụng CNTT, đổi mới PPDH, đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh cho đội ngũ CB – GV – NV.

- *Hai là*, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh (chú trọng phát triển các năng lực, phẩm chất); chú trọng chất lượng giáo dục đại trà (đạt trên 99,1%) và phát triển các thể mạnh, mũi nhọn.

- *Ba là*, tham mưu xây dựng phòng học, phòng chức năng, phòng học bộ môn và các thiết bị bên trong (Thông tư 13, 14), trang thiết bị ứng dụng CNTT trong dạy học và học tập; xây dựng sân chơi, bãi tập,... phục vụ các hoạt động GD.

- *Bốn là*, thực hiện tốt công tác xã hội hóa GD, huy động nguồn lực để phát triển tốt nhà trường. Hoàn thiện CSVC, thiết bị, tạo cảnh quan môi trường GD.

- *Năm là*, tập trung xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, có thương hiệu về văn hóa nhà trường, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và khu vực.

- *Sáu là*, triển khai nội dung giáo dục STEM theo Kế hoạch số 30/KH-SGDĐT ngày 20/3/2023 của Sở GD và ĐT về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, CMHS, học sinh về vai trò của giáo dục STEM.

- *Bảy là*, thực hiện tổ chức bữa ăn học đường, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý trong trường học để thực hiện Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 3034/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; Kế hoạch số 60/KH-SGDĐT ngày 20/6/2022 của SGD và ĐT về việc thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 – 2025.

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

Căn cứ khung Chương trình GDPT 2018 (Thông tư số 32/2018/BGDĐT), các văn bản hướng dẫn dạy học đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 năm học 2024 – 2025 và tình hình thực tế của đơn vị, nhà trường thống nhất quy định về các môn học, hoạt động giáo dục, chương trình tăng cường/mở rộng, cụ thể như sau:

Đối với lớp 1, lớp 2:

- Số tiết các môn học bắt buộc (7 môn học): 770 tiết/năm học
- Số tiết hoạt động trải nghiệm: 105 tiết/năm học
- Số tiết tăng cường/mở rộng: 245 tiết/năm học
- Ngoài ra còn có chương trình GDĐP được thực hiện lồng ghép vào các tiết hoạt động giáo dục trong tuần.

Tổng cộng: 1120 tiết/năm học

Đối với lớp 3:

- Số tiết các môn học bắt buộc (10 môn học): 875 tiết/năm học
- Số tiết hoạt động trải nghiệm: 105 tiết/năm học
- Số tiết tăng cường/mở rộng: 140 tiết/năm học
- Ngoài ra còn có chương trình GDĐP được thực hiện lồng ghép vào các tiết hoạt động giáo dục trong tuần.

Tổng cộng: 1120 tiết/năm học

Đối với lớp 4:

- Số tiết các môn học bắt buộc (11 môn học): 945 tiết/năm học

- Số tiết hoạt động trải nghiệm: 105 tiết/năm học
- Số tiết tăng cường/mở rộng: 70 tiết/năm học
- Ngoài ra còn có chương trình GDĐP được thực hiện lồng ghép vào các tiết hoạt động giáo dục trong tuần.

Tổng cộng: 1120 tiết/năm học

Đối vớ*p* lớp 5:

- Số tiết các môn học bắt buộc (11 môn học): 945 tiết/năm học
- Số tiết hoạt động trải nghiệm: 105 tiết/năm học
- Số tiết tăng cường/mở rộng: 70 tiết/năm học
- Ngoài ra còn có chương trình GDĐP được thực hiện lồng ghép vào các tiết hoạt động giáo dục trong tuần.

Tổng cộng: 1120 tiết/năm học

- Quy định thời gian học:

+ Học kì I: từ ngày 09/9/2024 đến ngày 10/01/2025 (Kiểm tra học kỳ 1: từ ngày 06/01/2025 đến ngày 10/01/2025)

+ Học kì II: từ ngày 13/01/2025 đến ngày 23/5/2025 (Kiểm tra học kỳ 2: từ ngày 19/5/2025 đến ngày 23/5/2025)

- Quy định cụ thể số tiết dạy trong từng học kỳ và cả năm học:

TT	Môn học	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII	CN	HKI	HKII
Môn học bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	GD thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
5	Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
6	Mĩ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
7	Tự nhiên và xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
8	Tiếng Anh							140	72	68	140	72	68	140	72	68
9	Tin học							35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Công nghệ							35	18	17	35	18	17	35	18	17
11	Khoa học										70	36	34	70	36	34
12	Lịch sử và Địa lí										70	36	34	70	36	34
13	Hoạt động trải nghiệm (HĐGD)	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
Môn học tự chọn																
14	Tiếng Anh															
Chương trình tăng cường/mở rộng																
15	Tiếng Việt (Bổ sung)	140	72	68	140	72	68	70	36	34	70	36	34	70	36	34
16	Toán (Bổ sung)	70	36	34	70	36	34	35	18	17	/	/	/	/	/	/
17	Tiết đọc Thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	Lồng ghép			Lồng ghép		
Tổng số tiết		1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544	1120	576	544
Số tiết/tuần (cả năm học)		32 tiết/tuần			32 tiết/tuần			32 tiết/tuần			32 tiết/tuần			32 tiết/tuần		
Số buổi/tuần		9 buổi/tuần			9 buổi/tuần			9 buổi/tuần			9 buổi/tuần			9 buổi/tuần		

Học sinh học 32 tiết/tuần tương đương với 9 buổi/tuần, cụ thể: Buổi sáng: 4 tiết (5 buổi = 20 tiết); Buổi chiều 3 tiết (4 buổi = 12 tiết)

- Khung thời gian hoạt động trong ngày:

BUỔI	THỜI GIAN		TIẾT	GHI CHÚ
SÁNG	6 giờ 50 – 7h00	10 phút	Sinh hoạt đầu giờ	
	7h00 – 7h40	40 phút	Tiết 1	
	7h45 – 8h25	40 phút	Tiết 2	
	8h25 – 8h45	20 phút	Ra chơi	
	8h50 – 9h30	40 phút	Tiết 3	
	9h35 – 10h10	40 phút	Tiết 4	10h10 ra về
CHIỀU	13h50 – 14h00	10 phút	Sinh hoạt đầu giờ	
	14h00 – 14h40	40 phút	Tiết 1	
	14h45 – 15h25	40 phút	Tiết 2	
	15h25 – 15h45	20 phút	Ra chơi	
	15h50 - 16h30	40 phút	Tiết 3	16h 30 ra về

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Hoạt động ngoại khóa ở tiểu học có nội dung rất đa dạng và phong phú bao gồm: hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, giáo dục địa phương... nhằm phát triển năng lực và phẩm chất toàn diện của học sinh và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu; các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa, các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, môi trường; các hoạt động lao động công ích; các hoạt động xã hội; các hoạt động từ thiện phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi học sinh tiểu học.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Chào mừng năm học mới	<i>“Đêm hội trăng rằm”</i>	Sinh hoạt tập thể (tập trung)	17/9	Tổng phụ trách	Toàn thể GV PHHS
Tháng 10	Chăm ngoan, học giỏi	<i>Phát triển mô hình các câu lạc bộ học tập. Khuyến khích thiếu nhi tích cực, chủ động trang bị những kiến thức về ngoại ngữ, tin học; định hướng cho các em tiếp cận sử dụng Internet phục vụ nhu cầu học tập, giải trí lành mạnh.</i>	Sinh hoạt Câu lạc bộ học tập	1-20/10	TPT+ GVCN+ GV chuyên	Tất cả GV
Tháng 11	Kính yêu thầy, cô giáo	<i>“Trò chơi dân gian”, “Văn nghệ”, “Hội thi”</i>	Hội thi, Hội thao, trò chơi, văn nghệ, sinh hoạt tập thể	1 – 20/11	Toàn thể CB-GV- NV - HS	PHHS
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	Đi tìm địa chỉ đỏ/ thăm viếng nghĩa trang/ lao động công ích	Nghe nói chuyện thời sự, chính trị, xã hội	1 – 22/12	TPT – Liên Đội	Đoàn TN thị trấn

			Công tác XH			
Tháng 1	Mừng Đảng, mừng xuân	Văn nghệ, giao lưu	Sinh hoạt tập thể	9-28/1	Đoàn – Đội	PHHS
Tháng 3	Yêu quý mẹ và cô giáo	Tham quan về nguồn	Tham quan, giao lưu	26/3	Công đoàn - TPT	GV, PHHS, HS
Tháng 5	Kính yêu Bác Hồ	Tìm hiểu về Bác	Hội thi kể chuyện về tấm gương của Bác	19/5	TPT	GVCN

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học

- Năm học 2024 - 2025 nhà trường chỉ đạo từng giáo viên cần lưu ý việc củng cố, bổ sung những nội dung có liên quan ở lớp học dưới; những kiến thức, kỹ năng còn hạn chế trong các năm học trước; cụ thể:

+ Đối với lớp 1, 2, 3: GV thực hiện việc bổ trợ kiến thức cho học sinh trong các tiết tăng cường Tiếng Việt, Toán, trong các tiết học, hoạt động GD; thể hiện rõ nội dung, mạch kiến thức cần tăng cường trong kế hoạch dạy học của từng giáo viên.

+ Đối với lớp 4, 5: GV thực hiện việc bổ trợ kiến thức cho học sinh vào chiều thứ sáu hàng tuần, trong các tiết học, hoạt động giáo dục; thể hiện rõ nội dung, mạch kiến thức cần tăng cường trong kế hoạch dạy học của từng giáo viên.

Chỉ đạo các chuyên môn thực hiện nghiêm túc việc sinh hoạt, thảo luận, nghiên cứu, lựa chọn nội dung bổ trợ phù hợp cho từng đồng tượng học sinh, từng lớp học cụ thể. Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra việc thực hiện.

- Tạo sân chơi bổ ích và lành mạnh cho học sinh; tạo điều kiện cho các em được phát triển năng khiếu; nuôi dưỡng niềm đam mê học tập, nghiên cứu khoa học; ham thích tìm tòi, khám phá và sáng tạo; được giao lưu học hỏi bạn bè và mọi người; thực hiện các quyền của trẻ em, đặc biệt là quyền phát triển và quyền tham gia. Tạo cơ hội cho học sinh được thực hành, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào cuộc sống thực tiễn; được mở rộng, phát triển các kiến thức, kỹ năng về tự nhiên, xã hội và con người; được tham gia các hoạt động cộng đồng phù hợp với khả năng, trên cơ sở đó thúc đẩy, tăng cường vai trò của các em đối với cộng đồng. Góp phần hình thành và phát triển ở HS những giá trị và năng lực cần thiết của con người Việt Nam mới (như: các giá trị tự trọng, tự tin, tôn trọng, nhân ái, khoan dung, trung thực, trách nhiệm, kỷ luật, khiêm tốn, kiên trì, vượt khó, chung sống hoà bình,... và các năng lực hoạt động xã hội, năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, tìm kiếm và xử lý thông tin, tư duy sáng tạo, ...), đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế. Cụ thể:

- Thành lập các CLB năng khiếu, sở trường: CLB Toán học; CLB Tiếng Việt; CLB Âm nhạc; CLB Mỹ thuật; CLB bóng đá mini; CLB Tin học; CLB Tiếng Anh; CLB Cầu lông; CLB Cờ vua...

- Giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao,... quy mô câu lạc bộ, liên trường.

- Thực hiện Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh; tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí,... cho học sinh; tổ chức ăn trưa,

bán trú phải bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với điểm trường khóm 5:

- Tổ chức triển khai các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường, lồng ghép thực hiện nội dung giáo dục địa phương. Ngoài các tiết trải nghiệm hàng tuần như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt tập thể lớp, mỗi tháng sẽ tổ chức một buổi trải nghiệm theo chủ đề hàng tháng.

- Tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục tăng cường, mở rộng theo hướng phân hóa; đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: dạy học trên lớp, dạy học theo chủ đề, chuyên đề, dạy học trải nghiệm....

- Hàng tháng dành một buổi chiều thứ sáu tuần lẻ để sinh hoạt tổ chuyên môn, và họp hội đồng giáo dục, các buổi chiều thứ sáu còn lại dành để phụ đạo cho học sinh chưa hoàn thành hoặc bồi dưỡng học sinh năng khiếu, tổ chức Câu lạc bộ, sân chơi khác cho học sinh.

- Bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục tiểu học.

- Tổ chức dạy đủ các môn học bắt buộc và hoạt động giáo dục.

- Dạy tiếng Anh các lớp từ khối 3 đến khối 5 (với 04 tiết/tuần)

- Dạy môn tin học từ khối 3 đến khối 5.

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 13/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường: ngày 19/8/2024 - 30/8/2024;

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2024

Học kỳ I: Từ ngày 09/9/2024 đến trước ngày 10/01/2025 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 13/01/2025 đến trước ngày 23/5/2025 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 26/5/2025 đến trước 30/5/2025

Trường Tiểu học Thị trấn Cầu Quan xây dựng thời gian thực hiện **Chương trình và Khung thời khóa biểu cụ thể cho từng khối lớp** như sau: *(Đính kèm Phụ lục)*

V. Giải pháp thực hiện

1. Công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông về tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 tại đơn vị, chủ động tham mưu, đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức truyền thông, định hướng truyền thông và thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách mới về giáo dục và đào tạo; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông, nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin, đáp ứng yêu cầu truyền thông của ngành. Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ bảo đảm các chủ trương đổi mới, quy định của ngành đến từng cán bộ, giáo viên và người lao động trong

các cấp quản lý và cơ sở giáo dục; tổ chức truyền thông gương người tốt, việc tốt trong quá trình thực hiện đổi mới giáo dục và đào tạo; tổ chức tập huấn cho cán bộ truyền thông nhằm nâng cao kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về Giáo dục và Đào tạo.

- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của ngành, tập trung vào các tin bài về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 nhất là các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để khích lệ các thầy cô giáo, các em học sinh phấn đấu, vươn lên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

2. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tăng cường huy động các nguồn lực để chăm lo cho giáo dục và đào tạo; Ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện lồng ghép có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu của ngành Giáo dục và các chương trình, dự án, đề án khác đã được phê duyệt; thực hiện huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GDĐT và đảm bảo điều kiện thực hiện nhiệm vụ của ngành Giáo dục. Huy động được các nguồn lực tài chính, xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển nhà trường.

- Nguồn lực tài chính:

+ Ngân sách Nhà nước: xây dựng mới thêm các phòng chức năng; 1 nhà vệ sinh cho học sinh; đầu tư cho các phòng chức năng, phòng học bộ môn; sửa chữa nâng cấp các phòng học, nâng cấp hệ thống sân chơi, bãi tập,...; cung cấp trang thiết bị phục phục giảng dạy, học tập và quản lý.

+ Ngoài ngân sách (từ xã hội, PHHS...): hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ tạo cảnh quan môi trường học tập...

+ Các nguồn từ giảng dạy, dịch vụ của nhà trường: hỗ trợ cho các hoạt động giáo dục, hoạt động phong trào, hội thi,...

- Nguồn lực vật chất:

+ Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ: nâng cấp hệ thống thoát nước sân trường; cải tạo, trang trí phòng học; cải tạo sân bóng đá mini.

+ Trang thiết bị phục vụ dạy - học: Thiết bị dạy học tối thiểu, bàn ghế học sinh, trang bị thêm laptop, màn hình tivi, trang thiết bị ứng dụng CNTT trong dạy học và học tập, thực hiện Học bạ số; Thư viện điện tử; máy điều hòa,...

3. Thực hiện công tác đội ngũ

- Triển khai hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật có liên quan đến CB-GV-NV; đẩy mạnh công tác truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ GDĐT về đổi mới và phát triển giáo dục. Tuyên truyền Nghị quyết đại hội Đảng các cấp, những kết quả đạt được để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về giáo dục tiểu học; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo, đài địa phương, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

- Xây dựng quy hoạch cán bộ kế thừa và kế hoạch đào tạo lại, bồi dưỡng bảo đảm đội ngũ giáo viên đủ số lượng, cơ cấu và chất lượng trên cơ sở phát huy tinh thần tự học đáp ứng yêu cầu đổi mới.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình đào tạo, nâng chuẩn cho CB-GV; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và tổ chức dạy học tích cực để chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, nhất là tham gia tốt kế hoạch tập huấn cho đội ngũ GV dạy lớp, đặc biệt là lớp 5.

- Tăng cường thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, đạo đức thực thi công vụ theo Chỉ thị số 28-CT/TU ngày 22/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu trong hệ thống chính trị; tăng cường kiểm tra nề nếp, kỷ cương trường học; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức, hành vi bạo hành thể chất, tinh thần học sinh.

- Tiếp tục xây dựng kỷ cương, nề nếp nhà trường, thực hiện theo hướng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Ưu tiên xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, CBQL có chất lượng cao, có bản lĩnh chính trị đạo đức vững vàng; đồng thời coi trọng xây dựng đội ngũ có ý thức trách nhiệm và năng lực phục vụ dạy học, giáo dục, quản trị nhà trường.

4. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và tự chủ của nhà trường, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn, phương pháp, kỹ thuật dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của nội dung chương trình giáo dục. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, rèn luyện và hình thành các phẩm chất, năng lực, kỹ năng sống cho học sinh.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý và tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại cơ sở, xem việc thực hiện các hoạt động sinh hoạt chuyên môn/dự giờ/thao giảng, hội giảng là cơ hội, điều kiện để thực hiện công tác bồi dưỡng năng lực sư phạm giáo viên tại cơ sở; Tập trung thực hiện nghiêm việc dự giờ theo hướng nghiên cứu bài học, lấy học sinh làm trung tâm để người dạy và người dự có điều kiện trao đổi kinh nghiệm chuyên môn một cách nhẹ nhàng, không áp đặt, nặng về đánh giá, phê phán. Tận dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ thông tin, hành trang số.

5. Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá học sinh

- Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGD&ĐT ngày 04/9/2020 của BGD&ĐT từ lớp 1 đến lớp 5.

- Riêng đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá như hai môn học độc lập theo Chương trình GDPT môn Tin học và Chương trình GDPT môn Công nghệ.

- Thực hiện nghiêm túc việc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, tổ chức khen thưởng đúng thực chất, đúng quy định, tránh hiện tượng khen tràn lan gây bức xúc trong dư luận xã hội. Phối hợp trường THCS tổ chức lễ bàn giao học sinh lớp 5 trang trọng, tạo động lực cho học sinh chuẩn bị tâm lý chuyển tiếp sang cấp học mới.

6. Thực hiện công tác phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn học và bồi dưỡng học sinh năng khiếu,...

6.1. Phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng môn học

- Giáo viên chủ nhiệm lập danh sách những học sinh đang gặp khó khăn đối với môn Tiếng Việt, Toán. Phó Hiệu trưởng (GV Phụ trách chuyên môn) trực tiếp chỉ đạo, phân công giáo viên, lên lịch tổ chức phụ đạo học sinh kịp thời đạt hiệu quả cao. Các môn học khác có học sinh nhận thức còn chậm giáo viên dạy có trách nhiệm phụ đạo học sinh ngay trong giờ học, sinh hoạt 15 phút đầu buổi và có thể đề xuất với tổ, khối chuyên môn thành lập lớp tổ chức phụ đạo thêm buổi tại trường (vào chiều thứ sáu).

- Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn theo dõi sát, hướng dẫn phương pháp học tập, tổ chức kiểm tra đầu giờ, phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh để giúp đỡ học sinh tiến bộ; thực hiện đôi bạn cùng tiến, nhóm bạn cùng học tập... từ đó các em hoàn thành các nội dung môn học theo quy định.

6.2. Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu,...

Nhà trường giao cho giáo viên lựa chọn, lập danh sách học sinh năng khiếu về các môn học, các hoạt động để thành lập các câu lạc bộ (trên tinh thần tự nguyện): CLB Toán học; CLB Tiếng Việt; CLB Âm nhạc; CLB Mỹ thuật; CLB bóng đá mini; CLB Tin học; CLB Tiếng Anh; CLB Cầu lông; CLB Cờ vua... Phân công giáo viên lên kế hoạch và chỉ đạo giáo viên tổ chức sinh hoạt, bồi dưỡng các câu lạc bộ. Tham gia các cuộc giao lưu, các sân chơi trí tuệ... do cấp trên triển khai đạt hiệu quả cao.

7. Thực hiện GD đối với HS khuyết tật hòa nhập, HS có hoàn cảnh khó khăn

7.1. Đối với trẻ khuyết tật hòa nhập

- Thực hiện Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật, các quy định về chính sách giáo dục đối với người khuyết tật, chế độ Hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh. Làm tốt công tác phối hợp giữa giáo viên với cha mẹ học sinh, với ban giám hiệu, với trạm y tế, với xã hội để là tốt công tác giáo dục học sinh khuyết tật. Thường xuyên quan tâm, theo dõi, huy động tối diện khuyết tật học hòa nhập đến lớp học hàng ngày nếu có.

- Linh hoạt trong tổ chức dạy học, đánh giá phù hợp với từng loại khuyết tật, từng hoàn cảnh. Khuyến khích, động viên và đánh giá trên sự tiến bộ của học sinh. Hồ sơ đảm bảo theo đúng quy định, giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

7.2. Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách

- Thực hiện đảm bảo chế độ hỗ trợ học phí theo quy định kịp thời cho các đối tượng học sinh thuộc diện hộ nghèo, con thương binh, ... Luôn quan tâm động viên và tạo điều kiện để các em tự tin, phấn vượt lên hoàn cảnh học tập đạt kết quả cao.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm hỗ trợ kinh phí để động viên, hỗ trợ các em học tập đạt kết quả cao nhất là vào đầu năm học. Tổ chức tốt các phong trào “Tết yêu thương”, chương trình học bổng, góc học tập, ... để động viên, khích lệ học sinh vươn lên trong học tập.

8. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua

- Tổ chức triển khai các văn bản, hướng dẫn của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng.

- Triển khai thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động do ngành và địa phương tổ chức.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Phổ biến kế hoạch giáo dục nhà trường

- Tham mưu và báo cáo cho Phòng GD và ĐT huyện Tiểu Cần, UBND xã Tân Hòa về kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, kế hoạch GD nhà trường.

- Tổ chức triển khai kế hoạch tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường, Ban DD CMHS. Ban chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ triển khai.

- Công khai bản kế hoạch lên website trường, mail trường, tại văn phòng.

- Các bộ phận chuyên môn triển khai, quán triệt và chỉ đạo thực hiện.

- Thực hiện sơ – tổng kết và đánh giá, rút kinh nghiệm.

2. Trách nhiệm thực hiện

2.1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng:

- Chỉ đạo chung và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Chỉ đạo thực hiện, Ban Kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch từng tháng, kế hoạch chuyên đề, chương trình hành động để cụ thể thực hiện kế hoạch chung; chịu trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch, đối chiếu kết quả thực hiện với chỉ tiêu, kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học đã đề ra. Tiến hành sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch; chỉ đạo các hoạt động và sinh hoạt chuyên môn toàn trường.

- Tham mưu đối ngoại với lãnh đạo các cấp, nhằm bổ sung biên chế giáo viên, tranh thủ mọi nguồn lực để hoàn thiện CSVC và nâng cao hiệu quả giáo dục.

- Theo dõi kiểm tra việc thực hiện định mức lao động, ý thức chấp hành, kỷ luật lao động của CBGV CNV trong trường.

2.2. Trách nhiệm của Phó hiệu trưởng:

- Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

- Thực hiện báo cáo trước hiệu trưởng hàng tuần, tháng và hàng năm theo kế hoạch; chuẩn bị nội dung chuyên môn báo cáo cấp trên và lĩnh vực được hiệu trưởng phân công.

- Nghiên cứu, phổ biến các Thông tư, Chỉ thị, Quyết định, Quy định, Hướng dẫn về chuyên môn và triển khai thực hiện. Phối hợp và chỉ đạo các bộ phận trong hoạt động thể dục thể thao, văn hoá văn nghệ, các phong trào thi đua...; chỉ đạo các hoạt động và sinh hoạt chuyên môn Tổ khối.

2.3. Trách nhiệm của Tổ trưởng tổ chuyên môn, Tổng phụ trách và các bộ phận trong nhà trường:

- Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ theo hướng dẫn Phụ lục 1 Công văn số 2435/BGDĐT-GDTH; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch theo từng giai đoạn.

- Phân công chuyên môn, dạy thay trong tổ, bồi dưỡng chuyên môn cho GV.

- Hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình, các quy định của Ngành cấp trên và của Bộ GDĐT. Kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn và kỷ luật lao động của giáo viên. Tổ chức các hoạt động và đổi mới sinh hoạt chuyên môn, nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, xây dựng phân phối chương trình, thời khóa biểu.

- Xây dựng các nội dung, kế hoạch các hoạt động giáo dục ngoại khóa,...

2.4. Trách nhiệm của đội ngũ giáo viên, nhân viên:

- Căn cứ kế hoạch năm học của nhà trường, của tổ để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

- Rèn luyện đạo đức, học tập văn hoá, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng hiệu quả giảng dạy và giáo dục (trình độ tin học, ngoại ngữ). Tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy theo yêu cầu đổi mới của ngành. Ứng dụng tốt CNTT trong giảng dạy. Tham gia các hoạt động và SHCM, nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa, xây dựng phân phối chương trình, thời khóa biểu.

- Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền lợi và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết giúp đỡ đồng nghiệp.

2.5. Trách nhiệm của học sinh:

- Ra sức học tập và rèn luyện các phẩm chất, năng lực và kỹ năng sống; hình nhân các theo các giá trị văn hóa nhà trường đã xây dựng.

- Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, rèn kỹ năng sống, trau dồi đạo đức, hành vi phù hợp với các chuẩn mực của xã hội.

- Hành vi ngôn ngữ của học sinh phải có văn hoá, phù hợp với đạo đức lối sống của lứa tuổi tiểu học.

2.6. Trách nhiệm của Ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh HS:

- Phối hợp với nhà trường trong giáo dục đạo đức, quản lý học sinh và bồi dưỡng học sinh các giá trị cơ bản trong hệ thống các giá trị mà kế hoạch đã vạch ra. Luôn chăm lo các điều kiện phục vụ cho việc học tập, rèn luyện và phát triển của học sinh.

- Ban đại diện CMHS tổ chức họp phụ huynh theo định kỳ để thông báo tình hình học tập, rèn luyện của HS và đưa ra giải pháp cùng phối hợp giáo dục HS; luôn có những ý kiến tham mưu, đóng góp, giúp đỡ và ủng hộ nhà trường về mọi mặt. Cùng nhà trường hoàn thành các mục tiêu cụ thể của kế hoạch.

3. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện KH

Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch là bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi điều phối quá trình triển khai thực hiện kế hoạch. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và các bộ phận và từng thành viên trong nhà trường (phiếu thông tin, phiếu khảo sát, phiếu lấy ý kiến của tập thể, cá nhân về những thuận lợi, khó khăn, bất cập, đề xuất, kiến nghị, điều chỉnh,...), qua đó đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện và báo cáo lãnh đạo nhà trường theo định kỳ. Từ đó có sự điều chỉnh kế hoạch sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

4. Điều chỉnh kế hoạch

Trong quá trình triển khai thực hiện, Ban chỉ đạo nhà trường sẽ chủ động tham mưu cho các cấp và có ý kiến đề xuất kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục

nhà trường phù hợp với thực tế của địa phương để đạt được mục tiêu của kế hoạch đã đề ra, đáp ứng thực hiện thắng lợi Chương trình GDPT 2018.

5. Chế độ thông tin báo cáo:

- Thực hiện công tác sơ kết, tổng kết định kỳ.
- Thực hiện các phiếu thông tin, phiếu khảo sát, phiếu lấy ý kiến của tập thể, cá nhân về những thuận lợi, khó khăn, bất cập, đề xuất, kiến nghị, điều chỉnh,... trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.
- Tổng hợp báo cáo thường xuyên và định kỳ cho cấp quản lý, lãnh đạo và các bên có liên quan.
- Thường xuyên thực hiện đánh giá, rút kinh nghiệm, bổ sung kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của Trường Tiểu học thị trấn Cầu Quan. Căn cứ các nội dung trong kế hoạch, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị có ý kiến kịp thời về Ban lãnh đạo nhà trường để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- PGD-ĐT Tiểu Cần (b/c);
- UBND thị trấn (Chỉ đạo);
- Các Bộ phận (th/h);
- Ban ĐDCMHS;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ngọc Lan

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÊ DUYỆT

Chương trình và Khung Thời khóa biểu cụ thể cho từng khối lớp

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động GD thực hiện theo tuần trong năm học.

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1
Học kỳ I:

[illegible]

Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	450
Tiếng Việt Bổ sung	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán Bổ sung	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tiết đọc Thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

Kế hoạch dạy học tuần

Tháng		9/2024				10/2024				11/2024					12/2024				01/2025	Ghi chú
Khối	Tuần	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	
	Lớp	09-13	16-20	23-27	30-04	07-11	14-18	21-25	28-01	04-08	11-15	18-22	25-29	02-06	09-13	16-20	23-27	30-03	06-10	
1		MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22	MH: 22		
		HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3		
		TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7	TC: 7		
																			Kiểm tra cuối học kỳ i	

Bảng phân phối chương trình lớp 1 - Học kỳ 2

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	204
Toán	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	425
Tiếng Việt Bổ sung	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán Bổ sung	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tiết đọc Thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

Kế hoạch dạy học tuần

Tháng		1-2/2025			2/2025		3/2025					4/2025				5/2025			
Khối	Tuần	T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35	
	Lớp	13-17	03-07	10-14	17-21	24-28	03-07	10-14	17-21	24-28	31-04	07-11	14-18	21-25	28-02	05-09	12-16	19-23	26-30
1		MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	Kiểm tra cuối học kỳ II Dự phòng và Tổng kết năm học

3.2. Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động GD thực hiện theo tuần trong năm học.

THỜI GIAN		Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	
Sáng	1	CC (HĐTN)	TV	TV	TV	TV		- Nghi tết Dương lịch 20/01/2025 -31/01/2025 - Nghi Giỗ Tổ Hùng Vương, nghỉ Lễ 30/4 và 1/5 (Thứ hai, thứ ba, thứ tư - Tuần 33) – Dạy bù vào các buổi chiều ngày thứ sáu – Tuần 29,30,31
	2	TV	TV	TV	TV	TV		
	3	TV	T	T	T	T		
	4	T	HĐTN	ĐĐ	TĐTV	SHTT (HĐTN)		
Chiều	5	TNXH	ÂN	TVBS	TVBS			
	6	TVBS	TVBS	TNXH	TBS			
	7	MT	TBS	GDTC	GDTC			
Tsố tiết/tuần		32tiết/tuần						
TỔNG HỢP								
TT	Nội dung			Số lượng tiết học			Chi chú	
1	Tiếng Việt			10				
2	Toán			5				
3	Đạo đức			1				
4	Tự nhiên – Xã hội			2				
5	Giáo dục thể chất			2				
6	Mĩ thuật			1				
7	Âm nhạc			1				
8	Hoạt động trải nghiệm			3				
9	Hoạt động củng cố tăng cường			7			TVBS (4); TBS (2); Tiết đọc T viện (1)	
10	Các ngày nghỉ trong năm			4				
11	Tổng số tiết học kỳ I			576				
12	Tổng số tiết học kỳ II			544				

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2
Học kỳ I:

Bảng phân phối chương trình lớp 2 - Học kỳ 1

[illegible]

buộc/tuần																			
Tiếng Việt Bổ sung	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Toán Bổ sung	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tiết đọc Thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

Kế hoạch dạy học tuần

Tháng		9/2024				10/2024				11/2024				12/2024				01/2025	Ghi chú
Khối	Tuần	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	
	Lớp	09-13	16-20	23-27	30-04	07-11	14-18	21-25	28-01	04-08	11-15	18-22	25-29	02-06	09-13	16-20	23-27	30-03	
2		MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	Kiểm tra cuối học kỳ I

Bảng phân phối chương trình lớp 2 - Học kỳ 2

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	170
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	25	425
Tiếng Việt Bổ sung	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
Toán Bổ sung	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tiết đọc Thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

Kế hoạch dạy học tuần

Tháng		1/2025			2/2025			3/2025				4/2025				5/2025				
Khối	Tuần	T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35		
	Lớp	13-17	03-07	10-14	17-21	24-28	03-07	10-14	17-21	24-28	31-04	07-11	14-18	21-25	28-02	05-09	12-16	19-23	26-30	
2	2/1	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	MH: 22 HD: 3 TC: 7	
																		Kiểm tra và	Dự phòng	

3.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động GD thực hiện theo tuần trong năm học.

Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	504
TV bổ sung	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Toán Bổ sung	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiết đọc Thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

Kế hoạch dạy học tuần

Tháng		9/2024				10/2024				11/2024				12/2024				01/2025	Ghi chú
Khối	Tuần	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	
	Lớp	09-13	16-20	23-27	30-04	07-11	14-18	21-25	28-01	04-08	11-15	18-22	25-29	02-06	09-13	16-20	23-27	30-03	
3	3/1	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	Kiểm tra cuối năm

Bảng phân phối chương trình lớp 3 - Học kỳ 2

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	476
TV bổ sung	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Toán Bổ sung	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiết đọc Thư viện	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

Kế hoạch dạy học tuần

Tháng		1/2025			2/2025			3/2025				4/2025				5/2025				
Khối	Tuần	T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35	26-30	
	Lớp	13-17	03-07	10-14	17-21	24-28	03-07	10-14	17-21	24-28	31-04	07-11	14-18	21-25	28-02	05-09	12-16	19-23		
3	3/1	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	MH: 25 HD: 3 TC: 4	Kiểm tra và Dự phòng	

3.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động GD thực hiện theo tuần trong năm học.

THỜI GIAN		Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	

	học							- Nghỉ tết Dương lịch 20/01/2025 -31/01/2025 - Nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương, nghỉ Lễ 30/4 và 1/5 (Thứ hai, thứ ba, thứ tư - Tuần 33) – Dạy bù vào các buổi chiều ngày thứ sáu – Tuần 29,30,31
Sáng	1	CC (HĐTN)	TV	MT	TV	TV		
	2	T	TV	TV	T	T		
	3	TV	T	T	KH	TVBS		
	4	TV	TVBS	Sử-Địa	HĐTN	SHTT (HĐTN)		
Chiều	5	Tiếng Anh	GDTC	Công nghệ	GDTC			
	6	KH	ĐĐ	Tiếng Anh	ÂN			
	7	Sử-Địa	Tin học	Tiếng Anh	Tiếng Anh			
Tổng tiết/tuần		32tiết/tuần						

TỔNG HỢP			
TT	Nội dung	Số lượng tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	7	
2	Toán	5	
3	Đạo đức	1	
4	Khoa học	2	
5	Lịch sử và Địa lí	2	
6	Giáo dục thể chất	2	
7	Mĩ thuật	1	
8	Âm nhạc	1	
9	Tin học	1	
10	Công nghệ	1	
11	Tiếng Anh	4	
12	TVBS	2	
13	Hoạt động trải nghiệm	3	
14	Các ngày nghỉ trong năm	4	
15	Tổng số tiết học kỳ I	576	
16	Tổng số tiết học kỳ II	544	

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4
Học kỳ I:

Bảng phân phối chương trình lớp 4 - Học kỳ 1

[illegible]

Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	540
TVBS	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

Kế hoạch dạy học tuần

Tháng		9/2024				10/2024				11/2024					12/2024				01/2025	Ghi chú
Khối	Tuần	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	
	Lớp	09-13	16-20	23-27	30-04	07-11	14-18	21-25	28-01	04-08	11-15	18-22	25-29	02-06	09-13	16-20	23-27	30-03	06-10	
4	4/1	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	Kiểm tra cuối

Bảng phân phối chương trình lớp 4 - Học kỳ 2

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
LS và ĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	510
TVBS	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

Kế hoạch dạy học tuần

Tháng		1/2025			2/2025			3/2025				4/2025				5/2025			
Khối	Tuần	T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35	
	Lớp	13-17	03-07	10-14	17-21	24-28	03-07	10-14	17-21	24-28	31-04	07-11	14-18	21-25	28-02	05-09	12-16	19-23	26-30
4	4/1	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	Kiểm tra và phòng Dự

3.5. Đối với khối lớp lớp 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động GD thực hiện theo tuần trong năm học.

THỜI GIAN		Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Ngày/ tháng	Điều chỉnh kế hoạch Tuần
Buổi	Tiết học	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	
Sáng	1	CC (HĐTN)	TV	MT	TV	TV		- Nghỉ tết Dương lịch 20/01/2025 -31/01/2025
	2	T	TV	TV	T	T		- Nghỉ Giỗ Tổ Hùng Vương, nghỉ Lễ 30/4 và 1/5 (Thứ hai, thứ ba, thứ tư - Tuần 33) – Dạy bù vào các buổi chiều ngày thứ sáu – Tuần 29,30,31
	3	TV	T	T	KH	TVBS		
	4	TV	TVBS	Sử-Địa	HĐTN	SHTT (HĐTN)		

Chiều	5	Tiếng Anh	GDTC	Công nghệ	GDTC			
	6	KH	ĐĐ	Tiếng Anh	ÂN			
	7	Sử-Địa	Tin học	Tiếng Anh	Tiếng Anh			
Tsố tiết/tuần		32tiết/tuần						
TỔNG HỢP								
TT	Nội dung			Số lượng tiết học		Chi chú		
1	Tiếng Việt			7				
2	Toán			5				
3	Đạo đức			1				
4	Khoa học			2				
5	Lịch sử và Địa lí			2				
6	Giáo dục thể chất			2				
7	Mĩ thuật			1				
8	Âm nhạc			1				
9	Tin học			1				
10	Công nghệ			1				
11	Tiếng Anh			4				
12	TVBS			2				
13	Hoạt động trải nghiệm			3				
14	Các ngày nghỉ trong năm			4				
15	Tổng số tiết học kỳ I			576				
16	Tổng số tiết học kỳ II			544				

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5
Học kỳ I:

Bảng phân phối chương trình lớp 5 - Học kỳ 1

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
LS và ĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
HDTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	540
TVBS	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	576

Kế hoạch dạy học tuần

Tháng		9/2024				10/2024				11/2024					12/2024				01/2025	Ghi chú
Khối	Tuần	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	T13	T14	T15	T16	T17	T18	
	Lớp	09-13	16-20	23-27	30-04	07-11	14-18	21-25	28-01	04-08	11-15	18-22	25-29	02-06	09-13	16-20	23-27	30-03	06-10	
4	4/1	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	MH: 27	Kiểm tra cuối học kỳ i	
		HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3	HD: 3			
		TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2	TC: 2			

Bảng phân phối chương trình lớp 5 - Học kỳ 2

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
LS và ĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Mĩ thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	68
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	51
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	510
TVBS	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	544

Kế hoạch dạy học tuần

Tháng		1/2025			2/2025			3/2025				4/2025				5/2025			
Khối	Tuần	T19	T20	T21	T22	T23	T24	T25	T26	T27	T28	T29	T30	T31	T32	T33	T34	T35	
	Lớp	13-17	03-07	10-14	17-21	24-28	03-07	10-14	17-21	24-28	31-04	07-11	14-18	21-25	28-02	05-09	12-16	19-23	26-30
4	4/1	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	MH: 27 HD: 3 TC: 2	Kiểm tra cuối học kỳ II	Dự phòng và Tổng kết năm học

